

TRƯỜNG ĐẠI HỌC  
TÀI CHÍNH- QUẢN TRỊ KINH DOANH

KẾT QUẢ CHẤM PHÚC KHẢO BÀI THI KẾT THÚC HỌC PHẦN HỌC KỲ II NĂM HỌC ( 2024 -2025)

| STT | MSV        | Họ tên                 | Ngày sinh  | Môn PK       | Lớp TC | SBD | SP  | Điểm L1 | Điểm PK | Ghi chú |
|-----|------------|------------------------|------------|--------------|--------|-----|-----|---------|---------|---------|
| 1   | 1101020209 | Nguyễn Đình Nguyên     | 8/9/2005   | KTTCDN1      | KD11D  | 277 | 114 | 4.3     | 4.3     |         |
| 2   | 1101010180 | Chu Thị Hoàng Mai      | 1/11/2005  | KTTCDN1      | TC11A  | 50  | 13  | 6.0     | 6.0     |         |
| 3   | 1101020109 | Tô Anh Hồng            | 9/9/2005   | KTTCDN1      | KD11G  | 378 | 207 | 3.0     | 3.0     |         |
| 4   | 1101020085 | Phùng Hải Hà           | 22/6/2005  | KTTCDN1      | KD11G  | 374 | 203 | 1.5     | 1.5     |         |
| 5   | 1101020943 | Đỗ Thị Hồng Duyên      | 22/2/2005  | KTTCDN1      | KD11G  | 371 | 200 | 5.1     | 5.1     |         |
| 6   | 1101010798 | Nguyễn Thảo Dương      | 1/1/2005   | KTTCDN1      | TC11A  | 21  | 56  | 1.5     | 1.5     |         |
| 7   | 1101020265 | Nguyễn Phương Thảo     | 27/7/2005  | KTTCDN1      | KD11G  | 404 | 326 | 2.5     | 2.5     |         |
| 8   | 1101010876 | Nguyễn Yên Nhi         | 23/3/2005  | KTTCDN1      | TC11A  | 54  | 17  | 4.9     | 4.9     |         |
| 9   | 1101010828 | Phùng Thị Thu Hương    | 13/12/2005 | KTTCDN1      | TC11A  | 37  | 72  | 7.0     | 7.0     |         |
| 10  | 1101010180 | Đỗ Hoài Thương         | 29/3/2005  | KTTCDN1      | TC11A  | 62  | 25  | 5.8     | 5.8     |         |
| 11  | 1101010900 | Đỗ Minh Thu            | 13/9/2005  | KTTCDN1      | TC11A  | 60  | 23  | 4.6     | 4.6     |         |
| 12  | 1101030399 | Nguyễn Thị Huyền       | 28/6/2005  | Mô hình toán | QT11A  | 181 | 688 | 8.0     | 9.0     |         |
| 13  | 1101010874 | Nguyễn Trần Thống Nhất | 19/1/2005  | Mô hình toán | NH11A  | 120 | 765 | 0.5     | 0.5     |         |
| 14  | 1101011432 | Nguyễn Tiến Quang      | 11/10/2005 | Mô hình toán | NH11A  | 127 | 720 | 5.0     | 5.0     |         |
| 15  | 1101010849 | Lê Hoài Linh           | 15/9/2005  | Mô hình toán | NH11A  | 111 | 757 | 5.5     | 6.5     |         |
| 16  | 1101010845 | Đặng Thị Nhật Linh     | 1/10/2005  | Mô hình toán | NH11A  | 108 | 754 | 4.5     | 4.5     |         |
| 17  | 1101071116 | Nguyễn Quỳnh Mai Anh   | 12/10/2004 | Mô hình toán | KL11A  | 785 | 312 | 1.5     | 1.5     |         |
| 18  | 1101020568 | Trần Quang Huy         | 13/4/2005  | Mô hình toán | KD11G  | 694 | 287 | 2.0     | 3.0     |         |
| 19  | 1101011382 | Nguyễn Khánh Linh      | 17/2/2005  | STVB         | TC11A  | 38  | 398 | 0.5     | 0.5     |         |
| 20  | 1001020120 | Dương Thị Hiền         | 20/7/2004  | TTHCM        | KD10B  | 396 | 59  | 6.5     | 6.5     |         |
| 21  | 1001030560 | Đặng Quang Hóa         | 6/2/2004   | TTHCM        | QT10B  | 214 | 465 | 2.3     | 2.3     |         |
| 22  | 1001020080 | Hoàng Anh Đào          | 24/10/2002 | TTHCM        | KD10C  | 444 | 135 | 1.8     | 1.8     |         |
| 23  | 1001030597 | Đoàn Gia Linh          | 14/10/2003 | TTHCM        | TC10B  | 65  | 610 | 2.8     | 3.0     |         |
| 24  | 1001021121 | Hoàng Hồng Nhung       | 1/12/2004  | TTHCM        | KD10D  | 522 | 394 | 2.3     | 2.3     |         |
| 25  | 1001020322 | Vũ Thu Trang           | 12/6/2004  | TTHCM        | KD10E  | 588 | 184 | 4.8     | 4.8     |         |
| 26  | 1001020999 | Đỗ Diệu Linh           | 24/10/2004 | PTKT&BCTC    | KD10D  | 186 | 27  | 1.8     | 2.0     |         |
| 27  | 1001020169 | Lê Thị Thùy Linh       | 26/12/2004 | PTKT&BCTC    | KD10D  | 187 | 28  | 7.3     | 7.3     |         |
| 28  | 1001020108 | Nguyễn Việt Hà         | 9/10/2004  | PTKT&BCTC    | KD10G  | 285 | 154 | 6.8     | 6.8     |         |

|    |            |                         |            |                 |       |     |     |     |     |
|----|------------|-------------------------|------------|-----------------|-------|-----|-----|-----|-----|
| 29 | 1001020276 | Lê Phương Thảo          | 20/9/2004  | PTKT&BCTC       | KD10B | 94  | 239 | 0.3 | 0.3 |
| 30 | 1001021102 | Nguyễn Thị Thảo Anh     | 9/10/2004  | PTKT&BCTC       | KD10E | 222 | 92  | 0.5 | 0.5 |
| 31 | 1001020367 | Đoàn Khánh Linh         | 3/4/2004   | PTKT&BCTC       | KD10G | 293 | 162 | 5.3 | 4.3 |
| 32 | 100102145  | Nguyễn Thị Phương Anh   | 17/12/2004 | PTKT&BCTC       | KD10C | 114 | 77  | 2.8 | 2.8 |
| 33 | 1001020322 | Vũ Thu Trang            | 12/6/2004  | PTKT&BCTC       | KD10E | 263 | 344 | 6.0 | 7.0 |
| 34 | 1001021017 | Nguyễn Ngọc Mai         | 19/3/2004  | PTKT&BCTC       | KD10A | 30  | 330 | 0.8 | 0.8 |
| 35 | 1001020132 | Nguyễn Đức Hoàn         | 20/8/2004  | PTKT&BCTC       | KD10B | 72  | 217 | 0.8 | 0.8 |
| 36 | 901020644  | Nguyễn Phương Anh       | 1/12/2003  | PTKT&BCTC       | KD10D | 166 | 8   | 2.0 | 2.0 |
| 37 | 1001020169 | Lê Thị Thùy Linh        | 26/12/2004 | Chuẩn mực KTVN  | KD10D | 188 | 93  | 7.6 | 7.6 |
| 38 | 1001020120 | Dương Thị Hiền          | 20/7/2004  | Chuẩn mực KTVN  | KD10B | 69  | 37  | 8.0 | 8.0 |
| 39 | 1001020181 | Trịnh Thùy Linh         | 17/4/2004  | Chuẩn mực KTVN  | KD10D | 190 | 95  | 1.5 | 2.0 |
| 40 | 901020644  | Nguyễn Phương Anh       | 1/12/2003  | Chuẩn mực KTVN  | KD10D | 166 | 219 | 4.0 | 4.0 |
| 41 | 901010121  | Đinh Ngọc Tùng          | 25/4/2003  | TCDN1           | TC11A | 68  | 67  | 2.0 | 2.8 |
| 42 | 901010056  | Nguyễn Quang Minh       | 16/1/2003  | TDKHCN          | TC9A  | 41  | 41  | 2.0 | 2.8 |
| 43 | 1001010882 | Lưu Huỳnh Thùy Trang    | 8/12/2004  | TDKHCN          | NH10A | 131 | 95  | 5.0 | 8.0 |
| 44 | 1001010777 | Trần Ngọc Hà            | 10/4/2004  | TDKHCN          | NH10A | 94  | 124 | 7.0 | 7.0 |
| 45 | 1101011285 | Đào Thị Thùy Linh       | 7/11/2005  | Kế toán TCDN    | NH11A | 35  | 67  | 5.5 | 5.5 |
| 46 | 1101011259 | Đinh Thị Ngọc Anh       | 30/6/2005  | Kế toán TCDN    | NH11A | 1   | 35  | 3.2 | 3.2 |
| 47 | 1101010845 | Đặng Thị Nhật Linh      | 1/10/2005  | Kế toán TCDN    | NH11A | 34  | 66  | 1.3 | 1.7 |
| 48 | 1001010777 | Trần Ngọc Hà            | 10/4/2004  | KTNHTM2         | NH10A | 10  | 36  | 4.8 | 4.8 |
| 49 | 1001010882 | Lưu Huỳnh Thùy Trang    | 8/12/2004  | KTNHTM2         | NH10A | 47  | 20  | 4.3 | 4.3 |
| 50 | 1001011374 | Nguyễn Thị Thanh Phương | 28/12/2004 | Bảo hiểm        | NH10A | 116 | P4  | 6.2 | 6.2 |
| 51 | 1001010869 | Hoàng Thị Minh Thu      | 25/9/2004  | Bảo hiểm        | NH10A | 122 | P4  | 6.6 | 6.6 |
| 52 | 1001011458 | Hoàng Bảo Trân          | 1/12/2003  | Bảo hiểm        | NH10A | 128 | P4  | 5.8 | 5.8 |
| 53 | 1001010882 | Lưu Huỳnh Thùy Trang    | 8/12/2004  | Bảo hiểm        | NH10A | 130 | P4  | 6.4 | 6.4 |
| 54 | 1001020170 | Nguyễn Bảo Linh         | 21/8/2004  | Kinh tế quốc tế | KD10G | 280 | P9  | 5.8 | 5.8 |
| 55 | 1001020170 | Nguyễn Bảo Linh         | 21/8/2004  | KTDNTM, DV, XL  | KD10G | 362 | P12 | 7.0 | 7.0 |

CB tổng hợp

*(Signature)*

Đỗ Thị Kim Thoa

Trưởng ban Thư ký

*(Signature)*

TS. Đỗ Thị Minh Nhâm

Văn bản, ngày 17 tháng 7 năm 2025

Trưởng ban chấm PK



TS. Nguyễn Thị Bích Diệp